TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIA** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 12 - 2021
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con và nợ chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Lành Văn Huế

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nông Ngọc Nam

Bà Lâm Thị Vèn

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà Dương Hà Thu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:* Bà Lương Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 59/2021/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con và nợ chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2021/QĐST-DS, ngày 14/12/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Mỗ Thị L, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lý Văn C, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Nguyên Nhung - Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như lời khai tại phiên toà nguyên đơn chị Mỗ Thị L trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Mỗ Thị L và anh Lý Văn C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn ngày 29/12/2011. Trước khi kết hôn anh chị có được tìm hiểu, yêu nhau không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được hai năm, đến năm 2013 chị L phát hiện anh C sử dụng ma túy Heroin, hàng ngày chị L và gia đình nội ngoại có khuyên bảo nhiều nhưng anh C không thay đổi và càng ngày càng sử dụng nặng hơn. Đến năm 2016 Công an xã H, huyện B lập hồ sơ để đi uống thuốc cai nghiện tại huyện Bắc Sơn nhưng anh C không chịu đi mà trốn đi sang Trung Quốc làm thuê đến cuối năm mới về ăn tết xong lại đi, đến năm 2018 anh C về Việt Nam rồi đi xuống tỉnh Bắc Ninh làm thuê sửa xe máy, đến tháng 11/2019 chị L sinh con thứ hai thì anh C về nhà, khi về nhà hàng ngày anh C vẫn thường xuyên sử dụng ma túy nên bị Công an xã theo dõi và lập hồ sơ đưa đi cai nghiện bắt buộc thì anh C lại bỏ trốn đi khỏi địa phương và làm thuê sửa chữa xe máy tại thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng không quan tâm gì đến gia đình, vợ con. Do con còn nhỏ không ai phụ giúp trông con để đi lao động nên chị L đã đưa các hai con về nhà ngoại ở từ đầu năm 2021 tại thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn đến nay. Kể từ đầu năm 2021 chị L đưa con về nhà ngoại ở đến nay anh C có về thăm con được 02 lần nhưng anh C không đưa cho chị L được đồng tiền nào để phụ giúp nuôi con và vợ chồng anh chị cũng đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay không còn quan tâm gì nhau. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 02 người con chung tên là Lý Thanh T, sinh ngày 26/10/2012 và Lý Hạnh T1, sinh ngày 11/11/2019. Nay cả hai con đang ở với chị L tại nhà ngoại thuộc thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có 01 nhà xây gạch ba banh không trát, diện tích sử dụng khoảng 45m^2 và 01 bếp diện tích khoảng 10m^2. Khi ly hôn chị L để lại nhà và bếp cho anh C quản lý, sử dụng, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Năm 2012 vợ chồng có vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Lạng Sơn số tiền là 50.000.000đ, vay về mua đồ sửa xe mô tô và làm nhà ở đến nay chưa trả và đã đáo hạn đến năm 2026. Khi ly hôn chị L yêu cầu anh Lý Văn C chịu trách nhiệm thanh toán một nửa số nợ gốc là 25.000.000 đồng và lãi suất phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Lạng Sơn theo hợp đồng đã ký. Tại phiên tòa, chị L tự nguyện trả toàn bộ số nợ gốc và lãi suất phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/10/2021 anh Lý Văn C trình bày: Anh Lý Văn C và chị Mỗ Thị L kết hôn vào ngày 29/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu, yêu nhau được khoảng 02 năm và được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau kết hôn vợ chồng sống với nhau có hạnh phúc và sinh được 02 người con chung, trong quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì trầm trọng. Tuy nhiên, sau khi vợ sinh con đầu được khoảng 06 tháng anh C bị bạn bè lôi kéo nên đã đi sử dụng ma túy Heroin, sau đó bị vợ phát hiện và được vợ, gia

đình bố mẹ khuyên bảo nhưng không cai được nên ngày càng nghiện nặng hơn và đã được Công an xã H lập hồ sơ để đưa đi cai nghiện bắt buộc nhưng anh C đã bỏ đi làm sửa chữa xe mô tô thuê tại thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng được một thời gian, hiện nay đang làm thuê sửa xe mô tô tại thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định. Thỉnh thoảng anh C vẫn về thăm vợ, thăm con được một hôm lại đi làm. Thời gian trước anh C làm ở thị trấn N, huyện V hàng ngày vẫn đi uống thuốc Methadone tại thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và đến nay anh C không còn sử dụng ma túy nữa. Trước đây do sử dụng ma túy ít quan tâm đến gia đình nên vợ đã đưa các con về nhà ngoại ở từ tháng 02 năm 2021 đến nay, từ khi vợ về bên ngoại ở mỗi tháng anh C có về thăm được 01 lần nhưng vợ chồng không còn quan hệ gì. Do dịch bệnh Covid-19 việc làm không có khách nên từ đầu năm 2021 đến nay anh C không có tiền gửi về cho chị L để nuôi con và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2021 đến nay không còn quan tâm gì nhau. Tuy nhiên, anh C xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh C không đồng ý ly hôn theo đơn yêu cầu của chị L và yêu cầu chị L về đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Có 02 người con chung tên là Lý Thanh T, sinh ngày 26/10/2012 và Lý Hạnh T1, sinh ngày 11/11/2019. Nay cả hai con đang ở với chị L tại nhà ngoại thuộc thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Về tài sản: Có 01 nhà xây cấp 4, gạch ba banh không trát, diện tích sử dụng khoảng 45m^2, nhà được xây dựng năm 2013 tại thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Về nợ chung: Năm 2012 vợ chồng có vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Lạng Sơn số tiền là 50.000.000đ, vay về mua đồ sửa chữa xe mô tô và làm nhà đến nay chưa trả và đã đáo hạn đến năm 2026.

Do anh C không đồng ý ly hôn nên không đặt vấn đề giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Nguyên N - Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B có ý kiến tại Công văn số 235/NHCS-TD ngày 03/11/2021: Căn cứ vào hồ sơ vay vốn đã ký kết giữa Ngân hàng chính sách xã hội huyện B và đại diện hộ vay vốn là bà Mỗ Thị L, sinh năm 1991 (người thừa kế là ông Lý Văn C, sinh năm 1992). Cùng địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện B. Tính đến ngày 02/11/2021 gia đình bà Mỗ Thị L còn nợ tổng số tiền gốc là 50.000.000đ và lãi là 198.804đ. Đại diện Ngân hàng đề nghị làm rõ trách nhiệm để trả nợ cho Ngân hàng khi bà L và ông C ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lý Văn C cố tình vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhiều lần. Do vắng mặt bị đơn Tòa án không tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận, giải quyết được các nội dung vụ án nên Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo trình tự tố tụng và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Thành phần tham gia xét xử tại phiên tòa đúng với thành phần Hội đồng xét xử được ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng

dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án thông báo hợp lệ để tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do và tại phiên tòa ngày 14/12/2021 cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh C đều vắng mặt không lý do. Do vậy, bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho chị Mỗ Thị L được ly hôn với anh Lý Văn C.

Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị L và giao cháu Lý Thanh T, sinh ngày 26/10/2012, cháu Lý Hạnh T1, sinh ngày 11/11/2019 cho chị Mỗ Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, anh Lý Văn C không cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu. Anh C có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Chị L và anh C có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con chung và tiền cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu.

Về nợ chung: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Mỗ Thị L có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ gốc là 50.000.000đ và lãi suất phát sinh theo Sổ vốn vay đã ký cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập phiên tòa hợp lệ ngày 14/12/2021 cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Lý Văn C cố tình vắng mặt không có lý do; đối với người có quyền đại diện theo ủy quyền ông Lê Nguyên N vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của anh Lý Văn C và ông Lê Nguyên N không gây ảnh hưởng cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Mỗ Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lý Văn C, yêu cầu giải quyết tranh chấp nuôi con chung và nợ chung. Như vậy đây là tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn giải quyết. Tòa án nhân dân huyện Bình Gia thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định. Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tiến hành mở phiên họp kiểm tra

kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Các đương sự không có ý kiến khiếu nại gì về thủ tục tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2021 chị Mỗ Thị L và anh Lý Văn C kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Cuộc sống chung của anh chị hạnh phúc được một thời gian khá dài và sinh được 02 người con chung. Trong quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn, lý do chị L xin ly hôn là do anh Lý Văn C sử dụng ma túy từ năm 2013, đến năm 2016 Công an xã H đã lập hồ sơ để đi uống thuốc cai nghiện, tuy nhiên anh Lý Văn C đã không chấp hành và bỏ trốn đi Trung Quốc làm thuê, năm 2018 mới về nhà, sau đó xuống tỉnh Bắc Ninh làm thuê sửa xe máy, đến tháng 11/2019 chị Mỗ Thị L sinh con thứ hai thì anh Lý Văn C về nhà ở hẳn. Hàng ngày anh Lý Văn C vẫn thường xuyên sử dụng ma túy và bị Công an xã H, huyện B theo dõi lập hồ sơ đưa đi cai nghiện bắt buộc, khi biết Công an lập hồ sơ anh Lý Văn C lại bỏ trốn khỏi địa phương không quan tâm gì vợ con. Đến đầu năm 2021 chị Mỗ Thị L đã đưa con về bên ngoại ở tại thôn Đ, xã H, huyện B ở đến nay. Tuy nhiên, kể từ khi chị Mỗ Thị L đưa con về ngoại ở anh C không quan tâm gì đến cuộc sống vợ con và chỉ đến thăm con được vài lần nhưng không đưa cho chị L đồng tiền nào để phụ giúp nuôi con. Tại biên bản lấy lời khai anh Lý Văn C cũng thừa nhận bản thân anh đã sử dụng ma túy từ năm 2013 đến nay chưa cai nghiện được và vợ chồng cũng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2021 đến nay không quan tâm gì đến cuộc sống vợ con và cũng như gửi tiền về cho chị vợ để phụ giúp nuôi con chung. Nguyên nhân chủ yếu là do anh Lý Văn C nghiện ma túy. Chị Mỗ Thị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Lý Văn C. Như vậy, mục đích của hôn nhân giữa chị Mỗ Thị L và anh Lý Văn C là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận và thương yêu nhau. Nhưng cuộc hôn nhân của anh chị đã không đạt được mục đích. Anh chị đã sống ly thân được một thời gian dài từ đầu năm 2021 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Do vậy, chị Mỗ Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Lý Văn C là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Mỗ Thị L và anh Lý Văn C có 02 người con chung tên là Lý Thanh T, sinh ngày 26/10/2012 và Lý Hạnh T1, sinh ngày 11/11/2019. Hiện cả hai cháu đang ở với chị Mỗ Thị L, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng và giáo dục cả 02 cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Lý Văn C cấp dưỡng nuôi con. Xét về điều kiện anh Lý Văn C là người nghiện ma túy, thường xuyên đi vắng và đã từ lâu anh C không chăm lo gì đến cuộc sống gia đình, các con nên việc giao các cháu cho anh Lý Văn C nuôi dưỡng và giáo dục sẽ không đảm bảo cuộc sống cho các cháu ăn học và phát triển. Đối với chị Mỗ Thị L hiện cùng các cháu đang sống chung với bố mẹ đẻ tại thôn Đoàn Kết, xã H, huyện B, kể từ khi về ngoại ở thu nhập chính là làm ruộng, ngoài ra hàng ngày còn có ông bà phụ giúp việc trông nom các cháu để đi làm thuê tăng thêm thu nhập và đã từ lâu chị L một mình tự nuôi các cháu không cần sự trợ giúp từ anh C. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng, giao cháu Lý Thanh T và Lý Hạnh T1 cho

chị Mỗ Thị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là có căn cứ, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh, nguyện vọng của cháu Thảo, chị L và quy định của pháp luật về con dưới 36 tháng tuổi tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình về trách nhiệm nuôi con của cha mẹ.

[5] Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

[6] Nợ chung của vợ chồng: Ngày 11/4/2021 chị Mỗ Thị L và anh Lý Văn C có vay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Lạng Sơn số tiền là 50.000.000đ theo mã món vay: 6600000720198467 ngày 11/4/2021. Tại phiên tòa chị Mỗ Thị L tự nguyện thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và lãi suất phát sinh theo sổ vay vốn đã ký cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Xét thấy yêu cầu của chị Mỗ Thị L là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với ý kiến đề nghị của người đại diện Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Lạng Sơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Mỗ Thị L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định để sung công quỹ Nhà nước.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng pháp luật:

Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, 264, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mỗ Thị L được ly hôn anh Lý Văn C.

- Về con chung: Giao cháu Lý Thanh T, sinh ngày 26/10/2012 và Lý Hạnh T1, sinh ngày 11/11/2019 cho chị Mỗ Thị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh Lý Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Chị L và anh C có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con chung và tiền cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

- Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ghi nhân sự tự nguyện của chị Mỗ Thị L tự nguyện thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và lãi phát sinh

cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Lạng Sơn theo mã món vay: 6600000720198467 ngày 11/4/2021.

- Về án phí: Chị Mỗ Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Mỗ Thị L đã nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2015/0005502, ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

3. Quyền kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Báo cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bình Gia;
- Chi cục THADS huyện Bình Gia;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÓA

(đã ký)

Lành Văn Huế

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nông Ngọc Nam

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lµnh V¨n HuÕ

Lâm Thị Vèn